

Những lần gặp lại Nguyễn Ái Quốc ở Pháp năm 1922

Lê Thanh Cảnh



Nguyễn Ái Quốc tại Pháp những năm 20.

LÊ THANH CẢNH SINH NĂM 1893, BẠN HỌC CÙNG LỚP VỚI NGUYỄN SINH CUNG TẠI TRƯỜNG QUỐC HỌC HUẾ. ÔNG ĐÃ TỪNG SÁNG LẬP CÁC BÁO *LE RIGOLO* (KỂ NGỘ NGHĨNH) RA BẰNG TIẾNG PHÁP (1914), CHỦ BIÊN TẠP CHÍ *THẦN KINH* (1927). NĂM 1932, ÔNG THAM GIA THÀNH LẬP HỘI AN NAM PHẬT HỌC, NĂM 1937, TRÚNG CỬ VÀO VIỆN DÂN BIỂU TRUNG KỲ. ĐÃ TỪNG LÀM CHÁNH VĂN PHÒNG CỦA BÁO ĐẠI. HỒI KÝ *RỜI MÁI TRƯỜNG QUỐC HỌC* ĐƯỢC ĐĂNG LẦN ĐẦU TRONG ĐẶC SAN SỐ 5 CỦA HỘI ÁI HỮU CỤM HỌC SINH QUỐC HỌC. SAU NĂM 1975, LÊ THANH CẢNH Ở LẠI VIỆT NAM VÀ THỜI ĐÓ TRÊN BÁO CHÍ ĐÃ TỪNG ĐĂNG TÀI MỘT VÀI ĐOẠN HỒI KÝ CỦA CỤ, VIẾT VỀ NHỮNG KỶ NIỆM VỚI NGUYỄN ÁI QUỐC. THÁNG 3-1999, TRÊN *TẬP SAN THẾ KỶ 21* XUẤT BẢN TẠI HOA KỲ ĐĂNG LẠI TOÀN VĂN HỒI KÝ CỦA LÊ THANH CẢNH, VIẾT VỀ CHUYẾN THEO VUA KHẢI ĐỊNH SANG THẨM PHÁP NĂM 1922, NHƯNG KHÔNG GHI RÕ XUẤT XỨ. GẦN ĐÂY, *TẬP SAN NGHIÊN CỨU HUẾ*, TẬP 8 NĂM 2012 CHO IN LẠI HỒI KÝ TRÊN. CHÚNG TÔI DỰA THEO ĐÂY TRÍCH ĐĂNG LẠI NHỮNG ĐOẠN LIÊN QUAN ĐẾN NGUYỄN ÁI QUỐC. TÊN BÀI LÀ CỦA CHÚNG TÔI.

Mùa xuân năm 1922, tôi tháp tùng theo phái đoàn vua Khải Định đi Pháp dự cuộc Đấu xảo Quốc tế và Thuộc địa tại Marseille.

Ngày hôm tàu Porthes cập bến Marseille, phái đoàn dọn lên một khách sạn sang trọng, thì tôi, cũng như các nhân viên khác, thấy để sẵn trong phòng một thiệp mời đi dự cuộc nói chuyện "Về Đông Dương" của Nguyễn Ái Quốc, dưới quyền bảo trợ của nữ bá tước De Noailles, tại một khách sạn lớn. Riêng tôi thấy được tên Nguyễn Ái Quốc thì đã mừng thầm, sắp gặp lại một đồng bối lỗi lạc. Nhưng sau đó vài giờ, tất cả phái đoàn bị bó buộc đi dự tiệc trà long trọng do ông

Albert Sarraut, Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, đãi ngay tại Tòa Thị sảnh Marseille. Mai lại do chuyến xe tốc hành, phái đoàn dời lên Ba-lê.

Vua Khải Định cùng các nhân viên Thị vệ xứ ở ngay Bộ Thuộc địa, số 27 đường Oudinot, tất cả nhân vật cao cấp trong phái đoàn đều được mời qua khách sạn Jeanne d'Arc đường Vanneau bên cạnh Bộ Thuộc địa.

Trước khi chia tay nhau, mỗi nhóm đi ở một nơi, tôi không thể quên được những lời chân thành ưu ái mà vua Khải Định đã trịnh trọng nói ra cùng cụ Lê Như Lâm, để ân cần ủy thác Đông cung Vinh Thụy như sau: "Thầy Phụ đạo, thầy đã chịu

hy sinh đưa hai em qua đây để hấp thụ học thuật văn minh Âu Mỹ". Rồi vua ngó qua hai ông hoàng tí hon là Vinh Thụy (con Khải Định), Vinh Cẩn (cháu Khải Định), lúc ấy chỉ được 10 tuổi, nhưng cũng biết giờ phút nghiêm trọng nên trương bốn con mắt thao láo lên kính cẩn nhìn và nghe ngóng: "Thầy nên minh khắc nhiệm vụ tối quan trọng của thầy là lấy chữ 'bách niên chi kế' mà giáo luyện tác thành hai tâm hồn non nớt này nên người hữu dụng cho quê hương dân tộc. Muốn mình đạt trọng trách này, thầy nên huấn mộng cảnh tỉnh hai em chẳng khi nào xao lãng tinh thần cố hữu của văn hóa nghìn xưa, mà phải tìm cách dung hòa được

với ánh sáng khoa học. Sở dĩ hoàng gia tuyển trách thầy vào một vị Phụ đạo là không chỉ vì thầy là bậc khoa giáp ưu tú, mà còn cần nhắc đức độ thầy, khá đầy đủ để dặn bảo hai em ngày ngày thụ giáo tất cả căn thức căn trì mà tâm hồn thầy sẵn có. Học phải yên tâm, sau này mới có tài kinh vi.

Thôi chúc thầy thành công. Nên đưa hai em về nghỉ ngơi. Khuyến thầy trò mình tâm khắc cốt bấy nhiêu huấn thị".

Mấy lời vàng đá trên, đang còn đồng vọng trong tâm can mọi người chúng tôi, thì vua đã quay mình lệ làng tiến về phòng riêng, chắc vì quá xúc cảm. Cụ Phụ đạo và hai "mệ" chỉ còn biết cúi xuống xá vua sau lưng, rồi thầy trò lui thủ rút lui đi thẳng, chẳng dám ngoảnh mặt lại. Ngoài kia, đã có hai ông bà cựu Toàn quyền Charles đứng chờ đón về lâu đài riêng của Đông cung Vinh Thụy ở 13 Avenue Lamballe, gần Tour Eiffel (trung tâm Ba-lê). Vì quá xúc động, mỗi anh em chúng tôi cũng lặng lẽ ra xe mà chẳng ai còn nói năng được lời gì.

Từ đó cứ vài ngày, trong những giờ phút ngoài chương trình công khai, cụ Lê Như Lâm đưa hai "mệ" về Bộ Thuộc địa châu thịnh an vị vua cha và thăm viếng anh em chúng tôi, mà chỉ chốc lát rồi bái biệt, không khi nào ở lâu.

Nguyễn Ái Quốc diễn thuyết tại "Hội quán Sinh viên Đông Dương"

Trong thời gian phái đoàn Nam triều ở Ba-lê bốn tháng, anh Nguyễn Ái Quốc có tổ chức một cuộc nói chuyện tại trụ sở Hội Quán sinh viên Đông Dương⁽¹⁾.

Trong phái đoàn chỉ có tôi là bạn đồng liêu, cùng ông Trần Đức (thân sinh ông Trần Chánh Thành, cựu Tổng trưởng Ngoại giao và Thượng nghị sĩ)⁽²⁾ đi dự thôi. Đề tài cuộc nói chuyện là anh Quốc chỉ trích chế độ thực

dân Pháp hà khắc bất công.

Tôi nhận thấy trong hàng thỉnh giả có ba cụ, Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vinh và Trần Ngọc Thiện đều là nhân vật miền Bắc được đi tham dự cuộc đấu xảo Marseille.

Cũng nhờ cuộc nói chuyện ấy tôi được hân hoan gặp lại cụ Phan Châu Trinh và biết thêm kỹ sư Cao Văn Sến, người Nam, rất sành sỏi Pháp văn và cũng được biết là tác giả nhiều bài báo đả kích chế độ thực dân.

Nhưng ý tôi là cố tìm gặp anh Quốc để cho anh những tin tức đích xác về chị Bạch Liên và anh Đạt. Gặp lại nhau thì tay bắt mặt mừng và xoắn xuýt hẹn hò thế nào cũng phải tái ngộ tại địa điểm nào thuận tiện. Hai bên thành thực cố tình làm chủ mời. Tôi kéo luôn cụ Phan Tây Hồ cùng kỹ sư Cao Văn Sến (lẽ cố nhiên có ông Trần Đức vì ông này với tôi suốt 4 tháng ở Pháp theo nhau như hình với bóng), lại khách sạn Lutétia thuộc loại sang hạng nhì ở Ba-lê. Bữa tiệc này là chén rượu tương phùng giữa chúng tôi, nên chúng tôi cũng lấy làm thắc mắc chẳng nói được gì sâu đậm vào vấn đề tranh đấu. Nhưng đã biết trước cụ Tây Hồ và anh Quốc có vài bất đồng ý kiến, tôi muốn nhân cơ hội này tìm cách dung hòa cho sự tranh đấu của chiến sĩ quốc gia được nhiều hiệu lực. Tôi ngỏ lời cùng kỹ sư Cao Văn Sến giúp tôi vì thấy ông này có uy tín đối với cả hai. Tôi ghé tai thưa cùng cụ Phan nên bước gần lại một bước cởi mở để siết chặt hàng ngũ thì hơn. Tôi niềm nở nói cùng anh Quốc nhiều tin tức vui vẻ và những biến cố dồn dập trong nước và nhất là về tin tức chị Liên anh Đạt. Nghe chuyện biến cố trong nước thì anh Quốc sáng quắc mắt nghe theo. Anh Quốc nói: "Chúng mình gặp nhau đây là điều vạn hạnh, ăn cơm thế này chẳng nói được gì. Từ nay gặp nhau thì ăn uống bất thành vấn đề, gặp đâu ăn đó

thôi, mà nhất là ăn quán tầm thường hơn thế này". Tôi nói: "Qua đây cũng phải theo phái đoàn trong các cuộc đón tiếp tưng bừng. Chỉ có ban đêm là rảnh thôi". Tôi không có thói quen đi chơi đêm. Anh Quốc cho là hay lắm. Tôi trao anh Quốc số điện thoại và số phòng khách sạn Jeanne d'Arc. Quay lại cụ Phan, tôi cũng có nhiều chuyện hay, ước sao có dịp may trình bày cùng cụ rõ. Cụ lấy địa chỉ và ra về liền. Hôm sau không kỳ hẹn, tôi về phòng thì thấy cụ tặng tôi một cuốn *Giai nhân kỳ ngộ* có mang chữ ký của cụ và nhờ tôi trao tặng năm cuốn kia cho mấy bậc tai mắt trong phái đoàn. Sau tôi suy tính, không dám trao năm bản sách kia cho các cụ đàn anh trong phái đoàn vì mấy hôm nay, chúng tôi (phái đoàn) đang loay hoay vất vả theo bản "Thư Thất Điều" mà cụ Phan đã gửi đến vua Khải Định khi vừa đến Pháp. Nếu đưa sách cụ tặng sợ có ai nghi cho mình thông đồng gì với cụ chẳng. Dầu không đưa cho nhân viên phái đoàn, tôi đã đọc sách cụ và nhận thấy là một đường lối tranh đấu kín đáo rất khôn khéo nên không muốn để phụ lòng hoài vọng của cụ. Tôi lần lượt trao tặng các ông Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vinh, Trần Ngọc Thiện. Còn hai cuốn tôi mang về nước tặng cho cụ Huỳnh Thúc Kháng và bác sĩ Phan Huy Thịnh. Sau này độ khoảng năm 1928, tôi được nghe các bạn ở Hà Thành cho biết cụ Ngô Đức Kế có cho ấn loát sách *Giai nhân kỳ ngộ* nhưng đã bị sở mật thám tịch thu.

Cứ tối lại, sau giờ cơm, anh Quốc đến phòng tôi tại khách sạn Jeanne d'Arc nói chuyện mà nói đến say sưa làm sao! Anh nói chuyện bất chấp thì giờ ăn ngủ. Tôi phải nhờ người đem coi phòng cho tôi sẵn một ấm café điện để chốc chốc chúng tôi tự pha uống, vì chúng tôi chẳng phải bợm nhậu như các bạn khác ở Pháp, hễ gặp nhau

là nhậu, nhiều khi đến say mềm!

Bữa nào cũng như bữa nào, hễ anh Quốc lại phòng là riu rít hỏi tôi về trăm ngàn câu chuyện bên nhà, mà hở ra một giây nào thì lại đến lượt tôi đôn dập hỏi anh.

Đất khách gặp đồng bào

Nhờ ông Hồ Đắc Ứng, Bí thư của vua Khải Định, mà cũng là em cô cậu cùng tôi, tôi được biết thêm một bạn Việt Nam, ông Trần Hữu Thường, làm việc nhà hàng Au Bon Marché cũng như cụ Phan Tây Hồ. Về sau tôi giới thiệu ông Thường cùng anh Quốc để giúp anh Quốc, trên đường tranh đấu.

Anh Quốc hỏi tôi về những diễn tiến các phong trào như: Cuộc khởi nghĩa của vua Duy Tân; việc các cụ Trần Cao Vân, Phan Thành Tài và Thái Phiên lên đoạn đầu đài; việc lưu đày vua Duy Tân qua hải đảo Réunion; việc Đội Cấn ở Thái Nguyên,...

Lần lượt theo thứ tự tôi cho anh Quốc biết rất rành mạch các biến cố này với những khía cạnh ưu và khuyết điểm của mỗi trường hợp, vì từ 1911 đến 1922 (là năm tôi gặp lại anh tại Pháp), tôi vào làm việc tại Tòa Khâm, bên cạnh bàn giấy ông Khâm sứ, và suốt mấy đời Khâm sứ thay đổi tôi vẫn ngồi một chỗ ấy, do đó tôi được biết nhiều tin tức có tính cách thời sự này.

Nhưng tôi cũng không giấu giếm anh Quốc lòng chán nản của tôi, vì bao nhiêu chiến sĩ ưu tú trung kiên trong hàng ngũ quốc gia đều bị sa lưới và như bị tận cùng tiêu diệt. Chỉ còn hoàng thân Cường Để ở Nhật, cụ Phan Sào Nam ở Trung Hoa và cụ Phan Tây Hồ cùng anh Quốc ở Pháp thôi. Vốn vẹn chỉ còn đếm chưa hết trên đầu năm ngón tay! Anh Quốc cũng tắc lưỡi thờ dài.

Tôi tiếp: Người chết trước mắt tôi, mà tôi mến tiếc nhất, là cụ Trần Cao Vân, vì đã mục



Vua Khải Định thăm Paris năm 1922.

kích công việc cụ âm thầm mưu tính cùng các đồng chí ở đất Thần Kinh, mà mỗi khi cụ ra Huế thì cho anh Lê Cảnh Hàn mời tôi xuống đò trên sông Hương để hỏi chuyện. Anh Quốc tỏ ra rất cảm kích khi nghe tôi đọc câu đối cụ Trần Cao Vân chép lại trên tờ giấy quỳn (vấn thuốc) để trời gửi cho cụ Hồ Đắc Trung như sau:

"Trung là ai, nghĩa là ai, cân đai vòng lọng là ai? Nỡ để thân cô tử nhiệt!

Trời còn đó, đất còn đó, xã tắc sơn hà còn đó. Miễn cho Thánh thượng sanh hoàn!"

Tôi còn nhắc lại cho anh Quốc nghe rằng khi cụ Trần Cao Vân còn sống gặp các đồng chí trên sông Hương, cụ có bảo: "Sau này có giành độc lập lại cho đất nước thì nên nhớ sửa chữ Việt Nam mà đừng dùng chữ Việt là 'tuất tẩu' mà chỉ dùng chữ Việt là 'phủ Việt' nghĩa là phải có rìu búa mới đánh đuổi Tây nổi, chứ như dùng chữ Việt như cũ thì đến giờ Tuất, Tây đánh mình chạy như chuột".

Anh Quốc lấy làm khoái vô

cùng.

Một hôm tôi trách anh qua Pháp được thân phụ giới thiệu cùng cụ Tây Hồ để tiến trên đường tranh đấu mà anh lại không nghe lời cụ Tây Hồ, bỏ qua nước Anh, việc này ở nhà nghe được, không ai chịu cho anh là phải.

Anh Quốc tự biện: Minh chỉ muốn cái gì thực tế thôi. Cụ chê mình thiên về bên kia, mà cụ biết đâu mình chỉ dùng làm phương tiện tranh đấu. Sau khi giành được độc lập thực sự cho nước nhà rồi, thì anh em một nhà tính sao thì tính. Minh sực nhớ lại Tôn Văn thành công hoàn toàn trên đường cách mệnh là nhờ chính quyền Anh mở đầu. Minh quay sang Anh cũng vì mục đích đi tìm một điểm tựa. Để nhờ đó mới tranh đấu có hiệu quả. Nhưng sau khi qua Anh quốc mấy năm, phải sống một đời sống cần lao vất vả, mình không tìm ra được bàn đạp như ý mình mong muốn. Noid theo gương Tôn Văn sao được? Ông ta có tên tuổi và sẵn trong tay nhiều phương tiện. Huống chi hoàn



Tổng thống Pháp Millerand thăm gian hàng Đông Dương tại Triển lãm thuộc địa, Marseille 1922.

cảnh Trung Hoa khác hẳn với hoàn cảnh Việt Nam, là nước nằm dưới quyền đô hộ của người Pháp. Bọn đế quốc Anh cũng như Mỹ, phải tiếp tay nhau mà củng cố lợi quyền của nhau, vì thế họ không thể giúp riêng mình để bỏ rơi nước Pháp. Còn như Trung Hoa thì khác hẳn, cường quốc nào cũng muốn ve vãn các nhà cách mạng Trung Hoa để sau này kẻ công mà chia sẻ lợi quyền. Đừng nói gì nước Anh giúp ông Tôn Văn, nếu không có nước Anh mà ông Tôn Văn đến Pháp hay đến Mỹ bàn tính việc lật đổ chế độ Mãn Triều, thì Mỹ Pháp cũng dễ dàng hoan nghênh và ủng hộ. Tôn Văn thành công là nhờ môi trường quốc tế thuận tiện. Nhắc lại chuyện cũ của nước nhà, năm 1905, cụ Tăng Bạt Hồ tình nguyện cầm súng trong hàng ngũ Hoàng Quân. Sau khi thắng trận Lữ Thuận, Thiên Hoàng Minh Trị mở tiệc khai hoàn để tưởng thưởng tướng sĩ, cũng tự tay rót rượu ban cho cụ Tăng Bạt Hồ. Cụ Hồ bái tạ nâng cốc, nhưng khóc òa lên, xin

Nhật Hoàng đoái thương đến tình cảnh nước Nam bị đô hộ. Nhật Hoàng hứa hẹn sẽ sẵn sàng giúp đỡ. Nhưng sau Nhật thấy lợi quyền mình với Pháp nặng hơn là lời hứa với cụ Hồ, nên họ đã cấu kết cùng Pháp mà bỏ rơi Việt Nam! Đó là tình cảnh nước ta trên trường quốc tế như thế. Quốc này cố tìm cho ra con đường cứu quốc để giải phóng dân tộc".

Nhận thấy chỗ chân thành của anh Quốc, tôi càng yêu mến anh thêm hơn trước và hẹn hò còn gặp lại nhiều lần nữa.

Một hôm anh Quốc nói: - Thành thật mình muốn biết ý kiến chú về cuộc nói chuyện của mình ở trụ sở A.M.I?

- Cũng thành thật xin đáp là vừa lắm. Tôi cần phải lần lượt nói cho anh nghe luận điệu và đường lối tranh đấu của các lãnh tụ ở nước nhà còn hơn thế nhiều. Cần nói để anh tiên liệu như mấy bản *Hải Ngoại huyết thư* của cụ Phan Bội Châu, *Tang thương lệ ngữ* của cụ Nguyễn Thượng Hiền, *Thiệt tiên ca* của cụ Nguyễn Phan Lãng, đều xuất sắc hơn, vì họ dựa vào đề tài lịch sử và văn hóa dân tộc thuần túy Việt Nam! Anh Quốc bảo tôi lần lượt

giải thích cho anh nghe tường tận mấy tài liệu kia mà anh chỉ nghe qua chứ không được kỹ càng nghiên cứu.

Tôi giải thích: Tỷ dụ như bài *Tang thương lệ ngữ* là cụ Nguyễn Thượng Hiền lấy bối cảnh một cuộc đối thoại giữa hai người dân mất nước như Đại Hàn và Việt Nam. Cụ lấy bối cảnh ấy mà mô tả rất tỷ mỉ tên tuổi, làng xóm, ngày tháng những khổ chủ đã bị bọn tay sai của chính sách thực dân thâm hại. Bài này là một bản cáo trạng vô cùng hùng hồn, chống lại nhà nước bảo hộ Pháp trước dư luận trong nước và ngoài nước.

Tỷ dụ như hai bản *Hải Ngoại huyết thư* là tiếng la khóc rền xiết của một dân tộc bị đè bẹp dưới gót giày kẻ xâm lăng!

Tỷ dụ như bài *Thiệt tiên ca* của cụ Nguyễn Phan Lãng là một bản án nói lên những bất công làm hoen ố muôn đời chính sách khai hóa của Pháp trên đất Việt. Họ đưa tiền sắt ra bức dân ta tiêu dùng, mà trái lại không được lấy nó mà nạp thuế, vì ngay khi phát hành, nhà nước tuyên bố đồng tiền sắt không còn có "năng lực miễn trái". Thật là quái gở!

Tỷ dụ như cuốn: *Giai nhân kỳ ngộ* của cụ Phan Tây Hồ mà tôi vừa đọc. Tác giả rất khôn khéo và tế nhị, lấy các nước nhược tiểu ở Âu châu, như Ai Nhĩ Lan, Ba Lan mà lồng vào bối cảnh vong quốc của dân tộc Việt Nam. Người ngoài đọc thì chỉ thưởng thức một áng văn chương bao gồm ý nghĩa chính trị thôi. Nhưng người Việt Nam đọc được thì nó thấm thía sâu xa vào tâm khảm, gây cho người đọc một bối cảnh cảm xúc cảm hờn vô hạn. Vì bao nhiêu bối cảnh trong ấy đều đề cập đến đền chùa miếu cũ, nhắc nhở đến mấy nghìn năm văn hiến và văn hóa bất diệt của dân tộc Việt. Tôi khuyên anh nên đọc và suy gẫm kỹ càng hơn và thiết tha xin anh nên lui tới gần gũi với cụ Phan

ở chốn đất khách quê người, chỉ bằng được gặp người đồng châu mà lại là lão thành giàu kinh nghiệm.

Anh Quốc bảo ngay: Vì thế mình quyết tâm tìm trăm phương nghìn kế để giải thoát cho đồng bào. Cứu cánh sẽ chứng minh tất cả mọi phương tiện.

Tôi tiếp: Vì thế anh cần phải dẫn đò, cần nhắc, suy tính. Sở dĩ tôi cần kỹ thuật lại những biến cố ở nước nhà cho anh nghe là để anh ở ngoài có thể thấy xa nghe rộng mà tìm ra được liều thuốc cứu quốc. Chớ như ở nhà xem chừng đã hết phương cứu vãn.

Nói đến đó, cả hai chúng tôi đều thở dài, đắm chiêu nhìn vào vòm trời xa thẳm miền miền, tưởng nhớ đến quê hương Việt Nam.

Một hôm khác, anh Quốc đến gặp tôi. Vừa bước vào phòng, anh vội vã nói ngay: "Minh đã thấy ló dạng một tia hy vọng rất đáng hoài bão. Từ nay, miễn là bất cứ nơi nào, nhóm nào, có một cuộc bạo động bùng nổ, bất chấp lớn nhỏ, thì những người có nhiệt huyết nên cấp tốc đoàn tụ lại đó để nuôi dưỡng hùng khí của đồng bào, một mặt để treo cờ giống trống, đồng thanh nổi dậy".

Tôi nhắc lại, năm 1917, suốt bảy ngày đêm, ngọn cờ khởi nghĩa đã phất phới tung bay trước gió tại tỉnh lỵ Thái Nguyên! Nhóm quân tiên phong, dưới sự lãnh đạo của Đội Cấn, cũng tận tình hô hào cổ vũ bằng vô số tuyên ngôn, tuyên cáo, mà tuyệt nhiên trong nước, từ thành thị đến thôn quê, từ nông phu đến trí thức, gần như không hề có một sự hưởng ứng nào. Người có tâm huyết lúc bấy giờ cũng như hiện nay, hoặc đều bên ngoài hải ngoại, hoặc còn trong nước thì bị giam cầm ở các nhà lao Lao Bảo, Buôn Mê Thuột, hoặc bị lưu đày đi Côn Đảo!

Một hôm, ông Trần Hữu Thường điện thoại đến khách

sạn Jeanne d'Arc mời tôi đi ăn cơm trưa để giới thiệu bà xã. Hôm ấy có cụ Phan Tây Hồ, cũng đồng sở với ông Thường, có anh Quốc, ông Hồ Đắc Ứng, Bí thư của vua Khải Định và ông Trần Đức.

Hai vợ chồng ông Thường ở một căn phòng trên lầu ba, chỉ vừa cho một tiểu gia đình, không thể dọn cơm cho tất cả bảy người ăn. Bà đầm loay hoay nấu thổi trong phòng, nhưng đã thương lượng cùng chủ khách sạn mượn sa lon lầu ba để đãi tiệc. Thoạt đầu vào tiệc, ông Thường kéo vợ ra trình trọng giới thiệu với từng người, rồi cụ Phan giới thiệu chúng tôi, lần lượt bắt tay chào, chúc, khen bà đầm ngoan ngoãn, dễ thương. Hai vợ chồng giành nhau mời thuốc, rót rượu, thay vì hạt dưa, bà đầm dọn ra hạnh nhân, bà rất tự nhiên duyên dáng cầm kẹp bạc, kẹp lia lia, lấy hạt nhân ra tròn trặn không có hạt nào bị sứt mẻ, bỏ vào đĩa, tươi cười đưa đến từng người. Ông chồng rót rượu khai vị, niềm nở mời mọi người.

Bữa cơm tuy là đơn giản, nhưng thật là tế nhị ngon lành. Tất cả khách hôm ấy, ai nấy cũng có một lời đặc biệt khen ngợi bà đầm đầm của gia đình Việt Nam. Bà Thường khoái chí, cười vui, lấy làm hân hoan được quý cụ nhận vào đại gia đình Việt Nam.

Tôi uống rượu vui vẻ, cởi mở tâm hồn, lấy làm cao hứng đứng dậy xin phép hai ông bà cùng quan khách, được nói trước cùng bà chủ tiệc cho phép chúng tôi, vì tha hương ngộ cố tri được nói tiếng Pháp lẫn tiếng Việt, để khởi ngữ ngang và cũng để cho câu chuyện được hứng thú, đậm đà. Bà Thường tán thành, bảo cứ việc tự do. Cụ Phan Tây Hồ có vẻ xúc động nghe tôi nói đến cái chết của mấy ông đồng hương cùng cụ như các cụ Trần Cao Vân, Thái Phiên, Phan Thành Tài,... bị án tử hình trong cuộc

khởi nghĩa của vua Duy Tân và đã oanh liệt lên đoàn đầu đài tại pháp trường An Hòa, cạnh Kinh đô để đền nợ nước. Cụ Phan Tây Hồ hỏi tôi một ít chi tiết về vua Duy Tân. Tôi nói cùng cử tọa rằng vì là thông dịch viên bên cạnh Khâm sứ Huế, tôi được biết vua Duy Tân rất nhiều, cả trước và sau cuộc khởi nghĩa. Có điều đáng ghi là vua rất rành tiếng Pháp, viết văn Pháp rất tao luyện thành thục mà chính người Pháp lúc bấy giờ cũng vô cùng thán phục. Khâm sứ Huế lúc ấy (Juin 1916) là Le Marchant de Trigon, đến thay Khâm sứ Charles ra làm Toàn quyền ở Hà Nội, buộc triều đình luận tội vua rất khắc nghiệt: là vua một nước dưới quyền bảo hộ của Pháp đang chiến đấu với kẻ thù là Đức, mà khởi loạn chống lại Pháp là phản bội, phải chịu tội tử hình. Nhưng Viện Cơ mật ngày ấy gồm toàn là thành phần tôn thờ quân chủ, nên Viện hội họp liên tiếp mấy đêm ngày mà không tìm ra tội vua để viết vào trong lòng bản án gọi là "yêu thơ yêu ngôn", mà chỉ làm tội mấy người lợi dụng tuổi trẻ của vua mà xúi vua cầm đầu cuộc khởi nghĩa, cố mong lợi dụng sáu ngàn tân binh tình nguyện đi Pháp đánh giặc Đức, hiện đang ở Huế, chờ ngày xuống tàu.

Cũng vì câu đối của cụ Trần Cao Vân gửi về cho cụ Hồ Đắc Trung, Cơ mật viện đại thân (mà tôi đã nhắc lại trên), nên chính cụ Hồ Đắc Trung can ngăn các cụ đồng viện không nên kết tội vua, vì hai lẽ rất chính đáng là: "Nước Nam còn chế độ quân chủ, hôm nay anh em mình làm án vua, rồi ngày mai mặt mũi nào còn đối xử với vua mới mà mình sẽ tôn lên mà khuông phò. Lẽ thứ hai là tuy tuổi công khai của vua là 16 tuổi, nhưng vì lúc vua mới đăng quang chỉ có 7 tuổi, triều đình muốn dâng thêm cho ngài một tuổi để ngài có thêm tâm thước

(Xem tiếp trang 34)

Những lần gặp lại ...

(Tiếp theo trang 9)

mà trị vì. Ai ngờ hôm nay lại dựa vào tuổi ấy để vấn kết tội vua. Dù sao 16 tuổi cũng còn trong tuổi vị thành niên. Theo pháp luật vua chưa có năng lực dùng tư quyền, phải do người khác thay, làm sao dựng ra được một bản án hợp lý".

"Xét cho đúng lẽ phải, theo lời khai của các bị cáo thì vua chỉ vướng vào hai tội của tuổi trẻ: 'Lên Ngự Bình ăn cháo gà, về đầm Hà Trung ăn cơm bắp'. Tội trạng rành rành như thế kia, lấy đâu ra tội tử hình là luận án? Tôi quả quyết đề nghị chỉ vấn tội vua có thể thôi, cứ đưa qua bên Tòa Khâm họ làm gì sẽ liệu sau".

Các cụ Cơ mật đại thần lúc bấy giờ, tôi chỉ còn nhớ như là, ngoài cụ Hồ Đắc Trung chủ xướng danh từ về bản án, thì có các cụ Nguyễn Hữu Bài, Tôn Thất Hân, Trần Đình Bách, Trần Đình Phát (?)... tán thành

lời đề nghị của cụ Hồ Đắc Trung ngay, cho rằng như thế là hợp tình hợp lý. Cụ Hồ Đắc Trung quay mình sang bên, đồng dục đọc cho quan tham biện cơ mật, ông Đặng Ngọc Oánh, chép bản án theo lời cụ Hồ Đắc Trung ám tả như sau (xin quý độc giả tha thứ nếu phải quên ít nhiều chữ trong bản án lịch sử này):... "Nhất danh quân sự, nhất danh ngoại giao, giai thử bối phi chi nghịch dã!... Hà Trung mạch phạn, Ngũ lĩnh kê thang... thừa dư loan giá chỉ thử phong trần...". Đại ý là hai ông kia (là Trần Cao Văn và Thái Phiên) một ông xưng chỉ huy quân sự, một ông xưng đảm nhiệm ngoại giao, toàn là bọn giặc cỏ, làm nghịch xúi vua theo. Tình thực, vua chỉ có tội về đầm Hà Trung ăn cơm bắp, lên núi Ngự Bình ăn cháo gà, để nên nổi loạn giá gặp bước phong trần!...

Nam triều chuyển án qua Tòa Khâm, thì ông La Marchant de Trigon y án ngay. Tất

cả mấy người đề xướng ra cuộc khởi nghĩa 1916 đều bị án tử hình! Vua Duy Tân bị đưa về giam tại trại Mang Cá, là trại quân Pháp đóng bên cạnh Thành Nội rất kiên cố. Hai bà hoàng mẫu của vua Duy Tân là mẹ đích (Nguyễn Thị Vân Sanh), và mẹ sanh (Nguyễn Thị Định), đều bị đưa lên an trí tại Khiêm Lăng (lăng vua Tự Đức).

Trong thời gian vua bị giam giữ tại đồn Mang Cá, mỗi ngày vua viết một lá thơ gửi về châu thổ an hai đức bà đích mẫu và sanh mẫu. Cơm vua dùng hàng ngày cũng do hai bà chiếu liệu đưa về Mang Cá. Dù sao, cơm cũng được linh mặc áo dẫu và che lọng vàng đưa đến cho vua dùng. Cũng hàng ngày khâm sứ, trước là ông Charles và sau là ông Le Marchant de Trigon, có tới tháp tùng, vào đồn Mang Cá thăm vua. Hôm đầu vừa mới bắt vua về, khâm sứ Charles mĩa mai hỏi vua, có ý xem vua có tỏ về gì hối hận việc làm không, bằng câu:

phát âm *chảy máu* và ghi xuống, thì âm mà những người tham gia thực nghiệm "nghe thấy" và ghi xuống là *chã má*¹⁾. Nhưng vì sao từ âm a mà biến sang âm b chứ không phải c hay d,... thì chứng cứ không đến từ suy luận mà thường phải qua các phản ứng nội tại của ngôn ngữ trong những hoàn cảnh ngôn ngữ nhất định (context-sensitive), hoặc từ chất liệu của các ngôn ngữ tham gia vào quá trình, như tác giả có gợi ý khi bàn về các đợt di dân muộn đến miền Nam trên đất Chân Lạp cũ.

Sự hòa trộn (diffusion) các yếu tố ngôn ngữ là một quá trình mà trong đó sự đổi mới được phổ biến qua một kênh giao tiếp nào đó, trong một khoảng thời gian cần thiết, giữa các thành viên của một cộng đồng người (Rogers)²⁾. Theo lý thuyết này, (âm thanh) ngôn ngữ biến đổi nhờ vào 4 yếu tố: sáng tạo, kênh giao tiếp, thời gian, và hệ thống xã hội (innovation, communication channels, time, social system). Ở trường hợp giọng Quảng Nam, rất có thể sự việc đã xảy ra như thế hoặc gần như thế. Thứ nhất là sự sáng tạo trong bất cứ cách phát âm. Thứ hai là nhu cầu giao tiếp giữa những người Việt di dân vào đất Chàm và cùng với người Chàm tạo thành kênh giao tiếp. Thứ ba là thời gian vài thế kỷ ấy đủ dài cho việc định hình yếu tố mới trong giao tiếp. Và cuối cùng hệ thống xã hội cần thiết để định hình yếu tố mới là hệ thống trong đó người Việt sống cộng cư với người Chàm trên dải

đất mới. Nhưng đây cũng chỉ là suy luận để khởi đầu, như anh công nhận. Cần tìm ra mối liên quan giữa các yếu tố ngôn ngữ hoặc các yếu tố ngoài ngôn ngữ đã thúc đẩy giọng Quảng thay đổi, 'đi xa' đến thế so với giọng ban đầu của những người Việt di dân, để cho ra một hệ thống giọng nói như hiện nay, mà không phải là một hệ thống khác. Cái quan tâm trước hết của các nhà ngữ học không phải là vì sao nó thay đổi, mà thay đổi như thế nào. Cho nên có những người như Hồ Trung Tú cố gắng tìm giải đáp cho câu hỏi 'vì sao' là đóng góp đáng quý.

Có 500 năm như thế là một bằng chứng đẹp về cái thao thức bất tận trong việc đi tìm sự thật, bằng một thái độ viết tâm huyết, nghiêm túc, được nâng đỡ bởi một tâm hồn lãng mạn, bay bổng. ■

Andrea Hòa Phạm

CHÚ THÍCH:

1. Cao Xuân Hạo, *Nhận xét về các nguyên âm của một phương ngữ ở tỉnh Quảng Nam trong Tiếng Việt mấy vấn đề ngữ âm, ngữ pháp, ngữ nghĩa*, Nxb Giáo Dục, Tp. Hồ Chí Minh, 1998, tr.128-136.
2. Rogers, Everett M. 1995. *Diffusion of Innovations*. 4th ed. New York: Free Press (MacMillan).

- Vua có bằng lòng chẳng về cuộc phiêu lưu điên rồ vừa rồi?

Vua đáp ngay: "Lẽ dĩ nhiên chẳng bằng lòng tí nào vì đã chẳng thành công".

Vì câu trả lời khảng khái ấy mà vua bị đưa đi Mang Cá.

Có một hôm, khâm sứ bận việc gì không biết, bảo tôi đi thăm vua và bảo tôi hỏi vua hai điều :

- Vua có một quỹ tiền riêng lưu trữ tại kho Nội vụ, vua có muốn lấy bao nhiêu để cầm tay.

- Vua có một tủ sách quý giá đến mấy ngàn cuốn bằng Pháp văn, vua muốn lấy bộ nào để đọc cho khuây khỏa.

Vua trả lời: "Không cần đến tiền. Còn sách chỉ thích đọc một bộ *Histoire De La Révolution Francaise* của Michelet nhưng phải lấy cho được trọn bộ".

Trong lúc ấy, bác sĩ Gaide, với địa vị đại tá quân y đạo quân thuộc địa Pháp và Hội trưởng Câu lạc bộ Pháp tại Huế, triệu tập một số Pháp kiều đứng lên kịch liệt phản đối việc bắt giam và rục rịch đày vua Duy Tân qua hải đảo Réunion, bằng một điện văn gửi về Pháp. Dư luận quần chúng tại Pháp quốc cũng phân vân, nhưng sau cùng chính phủ Pháp hạ lệnh phải đày vua Duy Tân!

Tôi nói đến đó, ngừng lại nghĩ hơi, cử tọa lấy làm vui tai, chăm chú nghe tôi kể chuyện biến cố ở nước nhà. Muốn thay đổi không khí mà muốn cử tọa nhận chân giá trị tranh đấu của cụ Phan Châu Trinh, tôi xin phép hát một câu hát cổ lấy giọng Quảng, để làm vui lòng cụ Phan:

Đứng bên đất "Hèng", ngó qua đất Hà Thân, nước xanh như "tèo" lá,

Đứng bên đất Hà Thân, ngó qua đất "Hèng", phố xá nghênh ngang.

Kể từ ngày Tây lại sứ sang, đào sông Cù Nhi, lượm vàng Bông Miêu.

Anh khuyên em giữ dạ đừng

xiêu, thờ cha kính mẹ, mai chiêu có anh!

Cử tọa vỗ tay râm râm, ngó lời khen tôi, nhưng tôi đứng dậy chỉ cụ Phan Tây Hồ cho quan khách, mà nói: chính cụ là tác giả. Lại một loạt vỗ tay âm nhà!

Bà chủ yêu cầu tôi dịch lại. Tôi dịch ngay mà cố nhấn mạnh mấy chữ: "Đào sông Cù Nhi, lượm vàng Bông Miêu", để bài xích chế độ thực dân hà khắc, chẳng khai hóa gì dân tộc Việt Nam, mà chỉ nô lệ hóa chúng tôi thôi. Bà chủ cũng đứng vào phe chồng, tán thành câu hát của tôi, nói thêm: "Chúng nó xấu thế đó".

Thấy anh Quốc ngúc đầu ra vẻ chịu phục cụ Phan hơn trước, tôi nói cùng anh, nhưng cố lớn tiếng cho mọi người nghe: "Lập trường tranh đấu của cụ Phan Tây Hồ bằng chính sách 'y Pháp cầu tiến bộ' chỉ là một đường lối thôi. Sao anh chống đối dữ vậy?"

Tổ quốc và dân tộc Việt Nam bị chà đạp dưới ách đô hộ của Pháp, thì trong con dân ai có phương tiện gì cứ tung ra để tranh đấu. Ví như gặp hỏa hoạn thì nên lo cứu hỏa trước đã, bất cứ bằng phương tiện gì: người dùng ống thụt, người dùng gàu, người dùng sáo đều được cả. Sao anh chỉ chấp nhận một phương tiện duy nhất bạo động để làm nản chí chiến sĩ quốc gia?"

Anh Quốc nói: - Mình xin tạm chấp nhận và xin chờ để xem, là hai chữ Dân tộc anh thường dùng để trì hoãn một việc gì hay để có thì giờ cân nhắc chín chắn thêm.

Cả làng đều vui, nhưng bà chủ tiệc thúc giục tôi hát thêm những bài về quê hương Việt Nam mà bà hãnh diện từ đó nhận là quê hương thứ hai. Vì muốn làm vui lòng bà chủ và cả làng cũng đang ngóng tai nghe, tôi tiếp tục lấy giọng Quảng, hát tiếp:

Gió huu huu như giây chiu cắt ruột,

Trời đại "hẹn" bê "kẹn" sông khô,

Máy chiếc "tèo" Tây qua không được

Lấy ai vẽ địa đồ Việt Nam.

Cũng được cử tọa âm âm vỗ tay. Bà chủ ra dấu xin tôi dịch lại ngay. Tôi vâng lời, mà giải thích thêm về việc "Tàu Tây vẽ địa đồ Việt Nam" là những hành vi thực dân Pháp dùng để thôn tính nước Nam.

Bà đâm khen ngợi không ngớt lời, nói thêm rằng dân tộc Việt Nam thật là thâm quý cao đẹp.

Cảm xúc đến tột độ, ông Thường đứng dậy trịnh trọng thưa cùng các cụ: Từ ngày tôi kết hôn cùng tiện nội, chưa hề có bữa tiệc nào mà tôi thấy nhà tôi hơn hờ vui sướng như hôm nay [...].

Vài hôm sau, Hội Pháp quốc Sử Địa có mời phái đoàn Nam triều đến dự một cuộc triển lãm tại trụ sở của hội Ba Lê. Rất đông nhân vật Việt Nam đi dự cuộc đấu xảo Marseille cũng được mời đến xem cuộc triển lãm này. Mỗi nhân viên trong phái đoàn Nam triều đều nhận được một vật kỷ niệm là một médaille vàng của Hội Sử Địa trao tặng.

Ông Trần Đức nói khê vào tai tôi, bảo hai anh em chúng mình mời bốn cụ Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, Trần Ngọc Thiện, Cao Văn Sến đến chiêu hôm ấy dùng cơm tại khách sạn Montparnasse. Chúng tôi nhân đó mời thêm cụ Phan Tây Hồ, anh Quốc, vợ chồng Trần Hữu Thường và ông Hồ Đắc Ứng. ■

(Xem tiếp kì sau)

CHÚ THÍCH:

1. Association Mutuelle Des Indochinois viết tắt là A.M.I.
2. Của chính phủ Ngô Đình Diệm sau năm 1954 (BT.)